

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách
đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 679-TB/VPTU ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Văn Phòng Tỉnh ủy Hòa Bình về quy định chức danh, số lượng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2856/TTr-SNV ngày 26/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Hòa Bình, như sau:

1. Đối với xã, phường, thị trấn loại I, được bố trí 23 cán bộ, công chức

a) Cán bộ cấp xã có 10 chức danh, bố trí 11 người, gồm:

- Bí thư Đảng ủy;
- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, được bố trí 02 người;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (*áp dụng với đơn vị hành chính cấp xã có hoạt động về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam*);
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Công chức cấp xã có 07 chức danh, bố trí 12 người, gồm:

- Chỉ huy Trưởng Quân sự;
- Trưởng Công an (*áp dụng đối với đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí Công an chính quy*);
- Văn phòng - Thống kê, được bố trí 03 người, trong đó: 01 người phụ trách Văn phòng Đảng ủy và công tác Văn thư - Lưu trữ; 01 người phụ trách công tác Thủ quỹ, hành chính - Quản trị và công tác Thống kê; 01 người phụ trách công tác Nội vụ (*cải cách hành chính, hồ sơ, chế độ chính sách cán bộ, thi đua - khen thưởng, xây dựng chính quyền, dân tộc, tôn giáo và công tác thanh niên*);
- Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn; được bố trí 02 người; trong đó: 01 người kiêm thêm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; 01 người kiêm thêm công tác quản lý Địa giới hành chính;
- Tài chính - Kế toán;
- Tư pháp - Hộ tịch, được bố trí 02 người;
- Văn hóa - Xã hội, được bố trí 02 người, trong đó: 01 người phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội và 01 người phụ trách công tác Văn hóa.

2. Đối với xã, phường, thị trấn loại II, được bố trí 22 cán bộ, công chức

a) Cán bộ cấp xã có 10 chức danh, bố trí 10 người, gồm:

- Bí thư Đảng ủy;
- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (*áp dụng với đơn vị hành chính cấp xã có hoạt động về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam*);
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Công chức cấp xã có 07 chức danh, bố trí 12 người, gồm:

- Chỉ huy Trưởng Quân sự;
- Trưởng Công an (*áp dụng đối với đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí Công an chính quy*);

- Văn phòng - Thống kê, được bố trí 03 người, trong đó: 01 người phụ trách Văn phòng Đảng ủy và công tác Văn thư - Lưu trữ; 01 người phụ trách công tác Thủ quỹ, hành chính - Quản trị và công tác Thống kê; 01 người phụ trách công tác Nội vụ (*cải cách hành chính, hồ sơ, chế độ chính sách cán bộ, thi đua - khen thưởng, xây dựng chính quyền, dân tộc, tôn giáo và công tác thanh niên*);

- Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn; được bố trí 02 người; trong đó: 01 người kiêm thêm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; 01 người kiêm thêm công tác quản lý Địa giới hành chính;

- Tài chính - Kế toán;

- Tư pháp - Hộ tịch, được bố trí 02 người;

- Văn hóa - Xã hội, được bố trí 02 người, trong đó: 01 người phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội và 01 người phụ trách công tác Văn hóa.

3. Đối với xã, phường, thị trấn loại III, được bố trí 21 cán bộ, công chức

a) Cán bộ cấp xã có 10 chức danh, bố trí 10 người, gồm:

- Bí thư Đảng ủy;
- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (*áp dụng với đơn vị hành chính cấp xã có hoạt động về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam*);

- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Công chức cấp xã có 07 chức danh, bố trí 11 người, gồm:

- Chỉ huy Trưởng Quân sự;
- Trưởng Công an (*áp dụng đối với đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí Công an chính quy*);
- Văn phòng - Thống kê, được bố trí 02 người, trong đó: 01 người phụ trách

Văn phòng Đảng ủy, công tác Văn thư - Lưu trữ và công tác Thống kê; 01 người phụ trách công tác Thủ quỹ, hành chính - Quản trị, công tác Nội vụ (*cải cách hành chính, hồ sơ, chế độ chính sách cán bộ, thi đua khen thưởng, xây dựng chính quyền, công tác dân tộc, tôn giáo và công tác thanh niên*);

- Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn; được bố trí 02 người; trong đó: 01 người kiêm thêm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; 01 người kiêm thêm công tác quản lý Địa giới hành chính;

- Tài chính - Kế toán;

- Tư pháp - Hộ tịch, được bố trí 02 người;

- Văn hóa - Xã hội, được bố trí 02 người, trong đó: 01 người phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội và 01 người phụ trách công tác Văn hóa.

4. Về số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp, chế độ kiêm nhiệm và tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Quy định chuyển tiếp

Đối với các chức danh công chức đã tuyển dụng và bố trí phụ trách Phó Chỉ huy Trưởng Quân sự và Phó Trưởng Công an cấp xã, nay chuyển thành một trong những chức danh công chức quy định tại Điều 1 nêu trên, đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và năng lực cán bộ.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã bố trí Công an chính quy; không có hoạt động về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân thì không có chức danh Trưởng Công an và Chủ tịch Hội Nông dân, do đó sẽ giảm biên chế giao theo phân loại đơn vị hành chính tương ứng các chức danh quy định tại Điều 1 nêu trên.

2. Chế độ kiêm nhiệm

a) Về chức vụ, chức danh:

- Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Bí thư Đảng ủy phụ trách công tác Tổ chức, cán bộ và Tuyên giáo;

- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy cấp xã kiêm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cấp xã và phụ trách công tác Dân vận.

b) Về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm:

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm các chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại Điều 1 nêu trên kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm

bằng 20% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có). Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh mà giảm được hơn 01 người cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

3. Về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Các chức danh cán bộ, công chức cấp xã khi tuyển dụng, bổ nhiệm mới phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ Đại học trở lên (trừ chức danh Chỉ huy Trưởng Quân sự và Trưởng Công an cấp xã); riêng đối với các xã vùng đặc biệt khó khăn yêu cầu trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ Trung cấp trở lên.

Điều 3. Một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại các Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 15/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và các Quyết định trái với Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Bộ Chỉ huy Quân sự; Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (V80b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Văn Quang

100